



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Nhật Ngữ Pháp 2
- Mã học phần: JAP331
- Số tín chỉ: 3 TC (3/0/6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần trước: Tiếng Nhật Ngữ Pháp 1 (JAP320)
- Đơn vị phụ trách: Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Đỗ Thị Thu Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905735895
- Email: hiendtt2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Hằng
- Chức danh, học vị: Cử nhân
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0944 508 793
- Email: hangttt2@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 13 bài, học phần sẽ giúp sinh viên nắm chắc những mẫu ngữ pháp đã học ở học phần tiếng Nhật tổng hợp 1 và bổ sung thêm kiến thức, hoàn thành trình độ sơ cấp 1.

- Dạy các cấu trúc ngữ pháp, cung cấp vốn từ vựng tương ứng. Rèn luyện kỹ năng viết câu trong 13 bài (từ bài 13 - 25) của giáo trình Minna no Nihongo trình độ sơ cấp 1.

Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Kiến thức: Sinh viên hiểu cách chia động từ thể TE, NAI, thể RU, thể TA... Hiểu được nghĩa và cách sử dụng của các mẫu ngữ pháp liên quan.
- Kỹ năng: Sinh viên nắm được kiến thức ngữ pháp sơ cấp, vận dụng thành thạo các dạng câu chỉ khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương.
- Thái độ, chuyên cần: Tăng cường tính chủ động, thái độ học tập, làm việc tích cực của sinh viên, truyền cảm hứng học tập ngôn ngữ mới cho sinh viên

4. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu biết các kiến thức tổng quát về thì của câu
CLO2	Trình bày được nghĩa và cách sử của các mẫu ngữ pháp về cách chia động từ thể TE, NAI, thể RU, thể TA...
CLO3	Kết hợp các thể động từ với những cấu trúc ngữ pháp nói về khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương.
CLO4	Biết phân biệt các trợ từ có cách sử dụng tương đồng
Kỹ năng	

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
CLO5	Viết được những câu văn chỉ khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương.
CLO6	Nghe được những câu văn chỉ khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương.
CLO7	Nói được được những câu văn chỉ khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO8	Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm;
CLO9	Hứng thú với nội dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, tự học tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp
CLO10	Sáng tạo, tư duy phản biện trước các vấn đề tranh luận

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	POL 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
CLO1			X		X	X							
CLO2			X		X	X							
CLO3			X		X	X							
CLO4			X		X	X							
CLO5			X		X	X	X						
CLO6			X		X	X	X						
CLO7			X		X	X	X	X					
CLO8				X	X	X			X	X			X
CLO9												X	
CLO10				X					X	X	X		X

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs(Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

5. Nội dung chi tiết của học phần

5.1. Lý thuyết

Bài học	Nội dung	Đáp ứng CLOs
BÀI 13	1. ～がほしいです 2. ～たいです 3. (場所)へ V(ます)にいきます 4. (場所)へ N に いきます	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 14	1. て形 練習 2. ～てください 3. ～ましょうか 4. ～ています	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 15	1. ～でもいいです 2. ～てはいけません 3. ～でもいいですか 4. 持っています / 知っています、... 5. 働いています / 勉強しています、... 6. ～でもいいです	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 16	1. 1～て、～て、～ 2. どうやって行きますか 3. ～てから、～ 4. ～くて、で、 5. Nは n が～	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 17	1. ない刑 練習 2. ～ないでください 3. ～なければなりません 4. ～なくてもいいです	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 18	1. ～ことができます 2. ～まえに、～	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10

Bài học	Nội dung	Đáp ứng CLOs
BÀI 19	1. た刑 練習 2. ～たことがあります 3. ～たり、～たりします 4. ～く／～になりました	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 20	1. 普通刑 練習 2. 普通体の使い方	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 21	1. 何と言いましたか 2. どう思いますか 3. ～でしょう？	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 22	1. これは(文です) 2. (文)人はだれですか 3. ～約束／用事／時間がありますか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 23	1. ～とき、 2. ～たとき／～るとき 3. ～と、～ 4. ～と、～があります	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 24	1. ～をくれました 2. ～てあげます／～てもらいます 3. ～てくれます	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
BÀI 25	1. ～たら、～ 2. ～ても、～	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
5.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO6, CLO7, CLO8
	Người học được được kiểm tra trên lớp với thời lượng 60 phút	

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
5.2.2.	Bài tập nhóm	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
	- Người học được chia nhóm để thực hiện bài luyện viết, nói theo từng chủ đề ứng với nội dung bài học - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	

6. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
Bài 13	4			8	12	
Bài 14	4			8	12	
Bài 15	3			6	9	
Bài 16	3			6	9	
Bài 17	3			6	9	
Bài 18	3			6	9	
Bài 19	3			6	9	
Bài 20	3			6	9	
Kiểm tra đánh giá		2		0	2	
Bài 21	3			6	9	
Bài 22	3			6	9	
Bài 23	3			6	9	
Bài 24	3			6	9	
Bài 25	5			10	15	

Bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
Tổng	43	2		86	131	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1.
2.
3.

7. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Phát vấn	X	X	X	X	X					
Vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X			
Tư duy cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X		X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm					X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- a. Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- b. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X					
Bài tập nhóm	X	X	X	X	X	X	X			
Dự lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2017 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

- みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2002)
- みんなの日本語初級 I – 基準問題集(NXB 3A Corporation, 2002)
- みんなの日本語初級 I – 翻訳一文法解説ベトナム語版 (NXB 3A Corporation, 2009)
- みんなの日本語初級 1 – 書いて覚える文型練習帳 (NXB 3A Corporation, 2002)

13.2. Tài liệu tham khảo

- かな入門 (凡人社、2004)
- 新日本語の基礎 I, (NXB 3A Corporation、1989)

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

Đỗ Thị Thu Hiền